

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: **86/2017/TLST/HNGĐ** ngày 12 tháng 8 năm 2017 giữa.

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T - Sinh năm 1979

Địa chỉ: Làng X, xã CN, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý - Chi nhánh chợ giúp pháp lý số 2.

Địa chỉ: Phố LD, thị trấn NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Cao Văn N - Sinh năm 1962.

Địa chỉ: Làng X xã CN, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng chính Sách, xã Hội huyện NL, tỉnh Thanh hóa. Địa chỉ: Phố ND, thị trấn NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa. Người đại diện theo ủy quyền ông Trần Công Đ - Chức vụ: Phó Giám đốc

- Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1987. Địa chỉ: Làng T, xã CN, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Phạm Thị R - sinh năm 1957. Địa chỉ: Làng X, xã CN, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Cao Thị S - sinh năm 1957. Chi Hội trưởng phụ nữ làng X. Địa chỉ: Làng X, xã CN, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 59, 60, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị T và anh Cao Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về con chung:** Chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cao Minh T - Sinh ngày 04/11/2016 là con chung của vợ chồng và cháu Phạm Thế H - Sinh ngày 24/01/2003 con riêng của chị Phạm Thị T và tự nguyện không yêu cầu anh Cao Văn N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Cao Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cao Huỳnh Linh N - Sinh ngày 30/12/2006 là con riêng của anh Cao Văn N.

Anh Cao Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ngăn cấm.

* **Về tài sản:**

Chị Phạm Thị T được quyền sở hữu, quản lý sử dụng số tài sản gồm:

- 01 nhà cấp 4 xây dựng năm 2015, diện tích 15m², tường xây gạch đá mái lợp pơ rô xi măng, nền lát xi măng cát, cửa bằng gỗ tạp, nhà làm trên đất của hộ bà Phạm Thị R trị giá 9.000.000đ.

- 01 hầm bi ô ga làm năm 2016 trên đất của hộ bà R trị giá 9.000.000đ.

- 02 gian chuồng trại 70m² xây bằng gạch đá trên lợp pơ rô xi măng nền đổ bê tông xi măng cát đá trên đất của hộ bà Phạm Thị R trị giá 35.000.000đ.

- 01 đường dây tải điện trị giá 2.000.000đ.

- Diện tích keo đã trồng 3750m² trên đất của hộ bà Rạng trị giá 15.000.000đ

- Diện tích lúa đã gieo trồng 300m² đất của chị T trị giá 450.000đ.

Tổng giá trị tài sản chị T được quyền sở hữu quản lý là 70.450.000đ, (bảy mươi triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Phạm Thị T chịu trách nhiệm trả số nợ gồm:

- Trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện NL 57.000.000đ, theo hồ sơ vay vốn giữa hộ chị Phạm Thị T với Ngân hàng chính sách xã hội huyện NL. Trong đó nợ chung của vợ chồng là 27.000.000đ và chị T vay riêng trước khi kết hôn với anh Cao Văn N là 30.000.000đ.

- Trả cho chị Nguyễn Thị T 8.000.000đ

- Trả cho chị Cao Thị S Chi Hội phụ nữ làng X số tiền là 2.000.000đ.

- Chị Phạm Thị T trích chia chênh lệch tài sản cho anh Cao Văn N là 10.425.000đ, (mười triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản chị Phạm Thị T được chia là 23.025.000đ, (hai mươi ba triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Cao Văn N được quyền sở hữu, quản lý sử dụng số tài sản gồm:

- 01 tủ bảo ôn mua năm 2016 trị giá 3.000.000đ
- 01 ổ áp điện 5 kw mua năm 2016 trị giá 2.500.000đ.
- 01 ti vi 21 in, 01 đầu chảo mua năm 2016 trị giá 1.000.000đ.
- 01 bếp ga đôi mua năm 2015 trị giá 300.000đ.
- 01 bình ga mua năm 2016 trị giá 300.000đ.
- 01 lợn mẹ khoảng 200kg giá trị 3.200.000đ.
- 02 lợn thịt khoảng 100kg trị giá 2.000.000đ.
- 03 cái xoang, loại 40 lít giá trị là 300.000đ.

Tổng giá trị 12.600.000đ, (mười hai triệu, sáu trăm nghìn đồng).

- Anh Cao Văn N được nhận số tiền chị Phạm Thị T trích chia chênh lệch giá trị tài sản là 10.425.000đ. Tổng giá trị tài sản anh N được chia là 23.025.000đ, (hai mươi ba triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Về đất đai: Chị Phạm Thị T, anh Cao Văn N và bà Phạm Thị R tự thỏa thuận giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về án phí:** Chị Phạm Thị T và anh Cao Văn N thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính phủ. Miễn án phí dân sự sơ thẩm việc thuận tình ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị phần tài sản được chia cho chị Phạm Thị T và anh Cao Văn N theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Xuân Vinh